TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 8 – 2026
V/v: "*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng

Bà Trương Thị Thúy Vân

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 289/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2026 về việc "*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Cẩm L, sinh ngày 27/3/1996; CCCD: 044196011334; địa chỉ: Số C đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang Tiến Q, sinh ngày 01/6/1993; CCCD: 044093014896; địa chỉ trước khi xuất cảnh: địa chỉ: Số C đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; Hiện đang xuất khẩu lao động tại Mỹ (không rõ địa chỉ).

Chị L có mặt, anh Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Cẩm L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang T Q qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự

nguyện, không ai ép buộc; hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 4/2024, anh Q đi xuất khẩu lao động mong muốn cải thiện điều kiện kinh tế gia đình. Nhưng khi vợ chồng ở xa nhau, khoảng cách địa lý khiến hai bên thêm nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không khắc phục được, dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai không thể hàn gắn. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L vẫn giữ nguyên ý kiến như đơn khởi kiện, xin được ly hôn với anh Trần Quang Tiến Q.

- *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 đứa con chung là Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024. Hiện nay hai cháu Cát A, Quang K đang sinh sống với chị L. Nguyện vọng sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung cháu Cát A, Quang K. Yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, anh chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai đề ngày 17/7/2026 anh Trần Quang Tiến Q trình bày:***

Qua thông tin, anh được biết chị Mai Thị Cẩm L (vợ anh Q), sinh ngày 27/3/1996; CCCD: 044196011334; địa chỉ: Số C đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị thụ lý giải quyết. Do điều kiện hiện nay anh đang đi làm ăn ở Mỹ, điều kiện đi lại và khoảng cách địa lý xa xôi nên anh xin tự khai và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị Cẩm L qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình. Vì cuộc sống vất vả khó khăn nên anh Q đi xuất khẩu lao động mong muốn cải thiện điều kiện kinh tế gia đình. Nhưng khi vợ chồng ở xa nhau, khoảng cách địa lý khiến hai bên thêm nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không khắc phục được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không quan tâm, không còn thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Mai Thị Cẩm L làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 đứa con chung là Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024. Hiện nay hai cháu Cát A, Quang K đang sinh sống với mẹ Mai Thị Cẩm L. Vì hiện nay anh đang đi làm ăn xa, không trực tiếp chăm sóc các con được, nên anh có nguyện vọng sau khi ly hôn giao các chung cho chị

Mai Thị Cẩm L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Q nhất trí đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận, nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Do mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, anh chị đã nhiều lần thỏa thuận nhưng không thành và cũng do tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh và chị được thuận tình ly hôn, không tiến hành hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không tiến hành hòa giải tại Trung tâm hòa giải đối thoại.

Ngoài ra, hiện nay anh Q đang ở Mỹ, do tính chất công việc của anh và vị trí địa lý xa xôi nên anh không thể về Việt Nam để tham gia các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử tại Tòa án. Do đó, trong quá trình giải quyết ly hôn giữa anh và chị Mai Thị Cẩm L, anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh Q được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử giải quyết ly hôn giữa anh và chị Mai Thị Cẩm L.

Anh Q đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị tiến hành trưng cầu giám định tại Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của anh Q trong Bản tự khai và các văn bản khác có liên quan với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của anh Q có trong Căn cước công dân hoặc Giấy chứng nhận kết hôn (hoặc các giấy tờ khác có liên quan) của anh để xem có phải do cùng một người là anh Q ký xác nhận hay không, để từ đó làm căn cứ giải quyết ly hôn giữa chị L và anh. Mọi chi phí giám định nêu trên anh và chị L xin tự nguyện chịu mà không có bất kỳ thắc mắc gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Quang Tiến Q.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 121, 127 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị Cẩm L được ly hôn anh Trần Quang Tiến Q. Về nuôi con chung: Giao các cháu Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024 cho chị Mai Thị Cẩm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Án phí, chi phí tố tụng khác: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị L chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số 2648/PA08-Đ1, ngày 16/6/2026 của Phòng Q1 - Công an tỉnh Q thì anh Trần Quang Tiến Q đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 23/4/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, theo quy định tại Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, do anh Trần Quang Tiến Q không đến Đại sứ quán của nước nơi anh đang sinh sống được vì khoảng cách địa lý xa xôi, đi lại khó khăn. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã nhận được bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Trần Quang Tiến Q gửi về do chị Mai Thị Cẩm L đến nộp. Tại bản Kết luận giám định số 1414/2026/KL-KTHS ngày 31/7/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Dấu vân tay trên bản tự khai, đơn nguyện vọng, đơn đề nghị là của anh Trần Quang Tiến Q.

[1.3] Bị đơn anh Trần Quang Tiến Q có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Quang Tiến Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Cẩm L và anh Trần Quang Tiến Q đều trình bày, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị L là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn đáng lẽ anh chị phải sống hạnh phúc, phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh Q đi làm ăn tại Mỹ, vì sống xa nhau nên giữa anh chị không còn thường xuyên quan tâm đến nhau, tình cảm nhạt phai, không còn thương yêu nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Cẩm L, xử cho chị L được ly hôn với anh Trần Quang Tiến Q là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Việc nuôi con chung: Giữa chị Mai Thị Cẩm L và anh Trần Quang Tiến Q có 02 con chung là cháu Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024. Nguyện vọng của chị L, sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi các con là Cát A, Quang K vì hiện nay các cháu đang ở với chị, được chị chăm sóc,

nuôi dưỡng. Anh Q cũng có đơn trình bày đồng ý giao hai chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai Thị Cẩm L yêu cầu anh Trần Quang Tiến Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh Q cũng nhất trí với đề nghị trên, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Trần Cát A và cháu Trần Quang K đang ở với chị L, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị L, ý kiến của anh Q đều nhất trí giao hai con chung C, Quang K cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu Cát A, Quang K cả về mặt thể chất, tinh thần, việc học hành, cuộc sống hàng ngày của hai cháu không bị xáo trộn. Cần giao các con chung là cháu Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cuộc sống sau này của các cháu Cát A, Quang K cần chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu Cát A, Quang K tròn 18 tuổi. Chị Mai Thị Cẩm L, anh Trần Quang Tiến Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Cẩm L và anh Trần Quang Tiến Q đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai Thị Cẩm L phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Quang Tiến Q phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Mai Thị Cẩm L tự nguyện chịu chi phí giám định dấu vân tay. Chị L đã nộp đủ và chi phí hết.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Cẩm L, anh Trần Quang Tiến Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 160, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 121, 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Mai Thị Cẩm L được ly hôn với anh Trần Quang Tiến Q.

2. *Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Cát A, sinh ngày: 01/6/2020; cháu Trần Quang K, sinh ngày: 16/5/2024 cho chị Mai Thị Cẩm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Quang Tiến Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi các cháu Cát A, Quang K tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác:* Chị Mai Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số 0002546 ngày 27/5/2026. Chị Mai Thị Cẩm L tự nguyện chịu chi phí giám định dấu vân tay. Chị L đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Quang Tiến Q phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Cẩm L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/8/2026). Anh Trần Quang Tiến Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 – Quảng Trị;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND P. Đồng Hới;
- Công an P. Đồng Hới;
- Phòng THADS KV 1- Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh